

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KINH TOÁN- KINH M TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

**KINH TOÁN TÀI CHÍNH CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM
HỒ TÀI NGUYÊN XÂY DỰNG TÀI CHÍNH NGHIỆP XÂY DỰNG
GIAO THÔNG SẢN PHẨM CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
GIAO THÔNG THỦY THIÊN HƯNG**



LÊ THỊ QUỲNH

Khóa học: 2015 – 2019

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KINH TOÁN- KINH M TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

**KINH TOÁN TÀI CHÍNH CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM
HỒ TÀI NGUYÊN XÂY DỰNG TÀI CHÍNH NGHIỆP XÂY DỰNG
GIAO THÔNG SỐ 1 THUỐC CÔNG TY CÔNG PHÁP XÂY DỰNG
GIAO THÔNG THỦY A THIÊN HUẾ**

Tên sinh viên: Lê Thị Quỳnh

Lớp: K49C Kinh Toán

Niên khóa: 2015- 2019

Giảng viên hướng dẫn

Th.S Phạm Thị Hồng Nguyên

Huế, tháng 01 năm 2019

L I C M N

Trong suốt chặng đường học tập và rèn luyện tại trường Đại học Kinh Tế - Đại học Huế, em đã nhận được sự chỉ dạy tận tình của quý thầy cô đặc biệt là quý thầy cô khoa Kế toán - Kiểm toán đã truyền đạt cho em những kiến thức và lý thuyết cũng như thực tiễn vô cùng quý giá. Để bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc em xin gửi lời chân thành cảm ơn đến tất cả quý thầy cô.

Đúng thời cho em xin phép gửi lời chân thành cảm ơn đến các thầy cô biết ơn sâu sắc đến Thúc sĩ Phạm Thị Hoàng Quyên đã tận tình giúp đỡ em trong suốt quá trình hoàn thành bài báo cáo này. Em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo quý Công ty Cổ Phần Xây Dựng Giao Thông Thừa Thiên Huế, Xí nghiệp Xây Dựng Giao Thông Số 1 trực thuộc công ty, đặc biệt là anh chủ phòng tài vụ tại công ty đã tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho em nghiên cứu, tiếp cận với thực tiễn và vận dụng những kiến thức được học để ứng dụng thực tiễn để thực hiện những đề xuất, phân tích, đánh giá và hoàn thành tốt cho bài báo cáo này. Tuy vậy, do thời gian cũng như kinh nghiệm còn có hạn của một sinh viên thực tập nên trong bài báo cáo thực tập thực tập nghiệp cũng không tránh khỏi những sai sót và hạn chế nhất định.

Vì vậy, em rất mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của quý thầy cô để em có điều kiện bổ sung, nâng cao kiến thức thực tiễn và tốt hơn cho công tác thực tập sau này. Sau cùng, em xin kính chúc quý thầy cô giáo trong khoa Kế toán - Kiểm toán nói riêng và quý thầy cô giáo của trường Đại học Kinh Tế Huế nói chung thật dồi dào sức khỏe, thành đạt và thắng lợi trong công việc.

Huế, tháng 01 năm 2019

Sinh viên

Lê Thị Quỳnh

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1 - Sơ đồ tình hình Tài sản – Nguồn vốn của Công ty (2015 – 2017).....	46
Bảng 2.2 - Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của công ty (2015 – 2017)	49
Bảng 2.3 - Tình hình Tài sản – Nguồn vốn của Xí nghiệp XDGT Số 1.....	57
Bảng 2.4 - Tình hình KQHĐKD của Xí nghiệp giai đoạn 2015 – 2017.....	61
Bảng 2.5 - Tình hình lao động của Xí nghiệp giai đoạn năm 2015 – 2017.....	64
Bảng 2.6 - Bảng định mức tính lương bổng phần thưởng	71
Bảng 2.7. Bảng định mức tính lương cho từng bộ phận	76
Bảng 2.8 - Bảng tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành và công trình HTKT KDC Liên kết KĐTM	86

DANH MỤC BIỂU

Biểu 2.1 - Phiếu Xuất kho của công ty xuất cho Xí nghiệp.....	66
Biểu 2.2 - Khế i lệ ng d toán.....	68
Biểu 2.3 - Phiếu hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.....	72
Biểu 2.4 - Quyết toán nhiên liệu máy lu hai bánh.....	74
Biểu 2.5 - Phiếu hạch toán quyết toán nhiên liệu cho máy thi công.....	75
Biểu 2.6 - Phiếu hạch toán khấu hao thuê phí	78
Biểu 2.7 - Phiếu hạch toán khấu hao TSCĐ Quý II/2017.....	79
Biểu 2.8 - Phiếu hạch toán tiền đến phí trả.....	80
Biểu 2.9 - Phiếu chi tiền.....	82
Biểu 2.10 - Phiếu hạch toán chi phí sản xuất chung.....	83

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 - Sơ đồ hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	20
Sơ đồ 1.2 - Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.....	22
Sơ đồ 1.3 - Sơ đồ hạch toán không tiếp hợp chi phí riêng cho máy thi công.....	24
Sơ đồ 1.4 - Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung.....	26
Sơ đồ 1.5 - Sơ đồ hạch toán tiếp hợp chi phí.....	28
Sơ đồ 1.6 - Sơ đồ hạch toán tài đến và giao khoản xây lắp nội bộ	34
Sơ đồ 1.7 - Sơ đồ hạch toán tài đến và nhận khoản xây lắp nội bộ	35

Sơ đồ 2.1 - Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	40
Sơ đồ 2.2 - Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tài công ty.....	42
Sơ đồ 2.3 - Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy tài công ty.....	45
Sơ đồ 2.4 - Tổ chức bộ máy quản lý tài đi, xí nghiệp.....	52
Sơ đồ 2.5 - Tổ chức bộ máy kế toán của Xí nghiệp Xây Dựng Giao Thông số 1.....	53
Sơ đồ 2.6 - Sơ đồ hạch toán tập hợp chi phí của công trình.....	85

DANH MỤC LƯU ĐỒ

Lưu đồ 2.1 - Luân chuyển công tác khi xuất nguyên vật liệu.....	70
Lưu đồ 2.2 - Luân chuyển công tác khi lập phiếu chi.....	81

Tr
 ờng Đại học Kinh tế Huế
 TaiLieu.vn

DANH MỤC CÁC CHỈ VIẾT TẮT

Viết tắt	Diễn giải
BCTC	Báo cáo tài chính
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BCĐKT	Bảng cân đối kế toán
BKQHĐKD	Bảng kết quả hoạt động kinh doanh
CPBH	Chi phí bán hàng
CPQLDN	Chi phí quản lý doanh nghiệp
CPSX	Chi phí sản xuất
CCDC	Công cụ dụng cụ
CNXL	Công nhân xây lắp
CN-KT	Công nhân kỹ thuật
DDĐK	Dạng đầu kỳ
DDCK	Dạng cuối kỳ
GVHB	Giá trị hàng bán
HMCT	Hạng mục công trình
NVLTT	Nguyên vật liệu trực tiếp
NCTT	Nhân công trực tiếp
NNH	Nợ ngắn hạn
NDH	Nợ dài hạn
MTC	Máy thi công
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
SXKD	Sản xuất kinh doanh
XDCB	Xây dựng công bản
SPDD	Sản phẩm dở dang
TSCĐ	Tài sản cố định
TSNH	Tài sản ngắn hạn
TSDH	Tài sản dài hạn
TGNH	Tiền gửi ngân hàng
TC - CĐ	Trung cấp - Cao đẳng
VAT	Thuế GTGT
VCSH	Văn chớ sở hữu
XL	Xây lắp

MỤC LỤC

LỜI IC M N

DANH M C CÁC CH VI T T T

PH N I: Đ T V N Đ	1
I.1. Lý do ch n đ tài	1
I.2. M c tiêu nghiên c u	2
I.3. Đ i t ng và ph m vi nghiên c u	3
I.4. Ph ng pháp nghiên c u	3
I.5. K t c u đ tài	4
PH N II: N I DUNG VÀ K T QU NGHIÊN C U	5
CH NG 1: C S KHOA H C V K TOÁN CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH S N XU T T I DOANH NGHIỆP HO T Đ NG XÂY L P	5
1.1. Nh ng v n đ chung v chi phí s n xu t và giá thành s n ph m trong doanh nghiệp	5
1.1.1. Khái ni m chi phí s n xu t và phân lo i chi phí s n xu t	5
1.1.1.1. M t s khái ni m	5
1.1.1.2. Phân lo i	5
1.1.2. Giá thành s n ph m và phân lo i giá thành s n ph m	8
1.1.2.1. Khái ni m	8
1.1.2.2. Phân lo i	8
1.1.3. M i quan h gi a chi phí s n xu t và giá thành s n ph m	10
1.2. Đ i t ng và ph ng pháp t p h p chi phí s n xu t và tính giá thành s n ph m	11
1.2.1. M t s khái ni m	11
1.2.2. ph ng pháp t p h p chi phí s n xu t	11
1.3. Nh ng v n đ chung v k toán ho t đ ng xây l p	12
1.3.1. Ph ng pháp th c nh n th u xây l p	12
1.3.1.1. Giao nh n th u toàn b công trình (t ng th u xây d ng)	12
1.3.1.2. Giao nh n th u t ng ph n	13
1.3.2. Đ c đi m ngành xây l p nh h ng đ n công tác k toán	13
1.3.3. Giá tr d toán xây l p và tính giá thành công tác xây l p	14

1.4. T ^h ch ^o c k ^o toán chi phí s ^o n xu ^u t và tính giá thành s ^o n ph ^o m ho ^t đ ^o ng xây l ^o p.....	15
1.4.1. S ^o khác bi ^o t gi ^o a giá thành và giá v ^o n.....	15
1.4.2. S ^o khác bi ^o t gi ^o a k ^o toán chi phí s ^o n xu ^u t và tính giá thành s ^o n ph ^o m c ^o a doanh ngh ⁱ p ho ^t đ ^o ng s ^o n xu ^u t v ^o i doanh ngh ⁱ p ho ^t đ ^o ng xây l ^o p.....	16
1.4.3. T ^h ch ^o c k ^o toán chi phí s ^o n xu ^u t và tính giá thành s ^o n ph ^o m xây l ^o p trong tr ^o ng h ^o p doanh ngh ⁱ p xây l ^o p không t ^h ch ^o c xây l ^o p giao khoán n ^o i b ^o	17
1.4.3.1. Nh ^o ng v ^o n đ ^o chung.....	17
1.4.3.2. K ^o toán chi phí nguyên v ^o t li ^u u tr ^o c ti ^o p.....	19
1.4.3.3. K ^o toán chi phí nhân công tr ^o c ti ^o p.....	21
1.4.3.4. K ^o toán chi phí s ^o đ ^o ng máy thi công.....	23
1.4.3.5. K ^o toán chi phí s ^o n xu ^u t chung.....	25
1.4.3.6. K ^o toán tr ^o ng h ^o p chi phí xây l ^o p.....	26
1.4.3.7. Ki ^o m kê và đánh giá s ^o n ph ^o m đ ^o dang.....	29
1.4.3.8. Ph ^o ng pháp tính giá thành s ^o n ph ^o m xây l ^o p.....	30
1.4.4. T ^h ch ^o c k ^o toán chi phí s ^o n xu ^u t và tính giá thành s ^o n ph ^o m xây l ^o p trong tr ^o ng h ^o p doanh ngh ⁱ p xây l ^o p có t ^h ch ^o c xây l ^o p giao khoán n ^o i b ^o	33
1.4.4.1. Tr ^o ng h ^o p đ ^o n v ^o nh ^o n khoán xây l ^o p n ^o i b ^o có t ^h ch ^o c k ^o toán riêng.....	33
CH^oNG 2: TH^oC TR^oNG CÔNG TÁC K^o TOÁN CHI PHÍ S^oN XU^UT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH S^oN PH^oM T^hI XÍ NGHⁱP XÂY Đ^oNG GIAO THÔNG S^o 1 – CÔNG TY C^o PH^oN XÂY Đ^oNG GIAO THÔNG TH^oA THIÊN HU^o.....	38
2.1. T ^h ng quan v ^o Công ty C ^o Ph ^o n Xây Đ ^o ng Giao Thông Th ^o a Thiên Hu ^o	38
2.1.1. Khái quát chung v ^o công ty.....	38
2.1.2. L ^o ch s ^o hình thành và phát tri ^o n.....	39
2.1.3. T ^h ch ^o c b ^o máy qu ^o n lý.....	40
2.1.3.1. C ^o c ^o u t ^h ch ^o c b ^o máy qu ^o n lý.....	40
2.1.3.2. Ch ^o c năng, nhi ^o m v ^o c ^o a các phòng ban.....	41
2.1.4. T ^h ch ^o c công tác k ^o toán.....	42
2.1.4.1. B ^o máy k ^o toán.....	42
2.1.4.2. Ch ^o c năng và nhi ^o m v ^o c ^o a t ^h ng v ^o trí trong b ^o máy k ^o toán.....	43
2.1.5. Ch ^o đ ^o và chính sách k ^o toán áp đ ^o ng.....	44
2.1.6. S ^o l ^o ch tình hình Tài s ^o n - Ngu ^o n v ^o n c ^o a Công ty.....	46
2.1.7. S ^o l ^o ch tình hình k ^o t qu ^o ho ^t đ ^o ng kinh doanh c ^o a Công ty.....	48
2.1.8. S ^o l ^o ch tình hình lao đ ^o ng c ^o a Công ty.....	49

2.2. Khái quát về Xí Nghiệp Xây Dựng Giao Thông Số 1 - Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Giao Thông Thừa Thiên Huế	50
2.2.1. Quá trình hình thành và phát triển	50
2.2.2. Chức năng và nhiệm vụ	51
2.2.2.1. Chức năng	51
2.2.2.2. Nhiệm vụ	51
2.2.3. Tổ chức bộ máy quản lý	51
2.2.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán	52
2.2.4.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán	52
2.2.4.2. Chức năng nhiệm vụ của các phòng vị trí trong bộ máy kế toán	52
2.2.5. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng	54
2.2.5.1. Chế độ và chính sách kế toán	54
2.2.5.2. Hình thức kế toán và trình tự ghi sổ kế toán	54
2.2.6. Một số yếu tố cấu thành năng lực kinh doanh của Xí nghiệp	55
2.2.6.1. Đặc điểm Tài sản cố định của Xí nghiệp	55
2.2.6.2. Tình hình Tài sản – Nguồn vốn của Xí nghiệp	56
2.2.6.3. Tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp	58
2.2.6.4. Tình hình lao động giai đoạn 2015 – 2017	60
2.3.1. Công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Xí nghiệp Xây Dựng Giao Thông Số 1	62
2.3.2. Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Xí nghiệp Xây Dựng Giao Thông Số 1	64
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIÊN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG GIAO THÔNG SỐ 1 – CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỪA THIÊN HUẾ	84
3.1. Đánh giá chung về công ty	84
3.1.1. Về bộ máy quản lý	84
3.1.2. Về tổ chức công tác kế toán	84
3.2. Đánh giá chung về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Xí Nghiệp Xây Dựng Giao Thông Số 1	86
3.2.1. Về đầu vào	86
3.2.2. Về đầu ra	89
3.3. Một số biện pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Xí Nghiệp Xây Dựng Giao Thông Số 1	90

PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	91
III.1. Kết luận.....	91
III.2. Kiến nghị.....	92

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHẦN LỜI C

Tài Liệu.vn
 Trường Đại học Kinh tế Huế

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

I.1. Lý do chọn đề tài

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã diễn ra từ lâu và hiện nay quá trình này diễn ra ở tốc độ nhanh chóng. Trong những năm gần đây bộ mặt đất nước đang ngày một thay đổi, phát triển trên tất cả mọi lĩnh vực đời sống. Song song với quá trình này yêu cầu xây dựng và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng đang là một đòi hỏi cấp thiết. Chính vì vậy mà ngành sản xuất vật liệu xây dựng và thi công xây lắp hiện nay đang phát triển mạnh.

Song bên cạnh đó, không ít những thách thức mà doanh nghiệp phải đối mặt. Đón đầu bắt đầu các công nghệ mới và phát triển trong sự cạnh tranh gay gắt đòi hỏi các doanh nghiệp không ngừng đổi mới, hoàn thiện các công cụ quản lý, trong đó không thể thiếu là công cụ quản lý kinh tế quan trọng.

Thị trường Nhà ở và công tác năm 2017 và triển khai kế hoạch năm 2018 ngành xây dựng Thủ tướng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng cho hay “Năm 2017 là năm bắt đầu phá vỡ kỷ lục của ngành xây dựng với việc đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu phát triển chủ yếu. Sau nhiều năm hoạt động xây dựng lấy đà nhẩy vọt và duy trì tăng trưởng khá cao với tốc độ 8,7%. Con số này đã ghi nhận mức đóng góp 0,54 điểm phần trăm của ngành xây dựng vào mức tăng trưởng chung. Ngành xây dựng giữ vị trí thứ ba trong số các ngành đóng góp điểm phần trăm vào mức tăng tăng GDP cả nước. Ngành xây dựng sáu tháng đầu năm duy trì mức tăng trưởng khá với tốc độ 7,93% , đóng góp 0,48 điểm phần trăm”.

(Nguồn: BNEWS/TTXVN, 16.01.2018)

Với tầm quan trọng của nó trong nền kinh tế, và ngành Xây dựng là ngành đặc thù nên việc quản lý và đầu tư xây dựng rất khó khăn phức tạp, trong đó tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm là một trong những mối quan tâm hàng đầu, là nhiệm vụ hết sức quan trọng của doanh nghiệp. Hiện nay, trong lĩnh vực xây dựng có bốn chủ yếu áp dụng các chủ đầu tư, giao nhận thầu xây dựng. Vì vậy, để trúng thầu, được nhận thầu thì công thì doanh nghiệp phải xây dựng được giá thầu hợp lý, dựa trên cơ sở đã định mức đơn giá xây dựng cơ bản do Nhà nước ban hành, trên cơ sở giá

thị trường và khả năng của bên thân doanh nghiệp. Mặt khác, phải đảm bảo kinh doanh có lãi. Để thực hiện các yêu cầu đòi hỏi trên thì cần phải tăng cường công tác quản lý kinh tế nói chung, quản lý chi phí giá thành nói riêng, trong đó trọng tâm là công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành đảm bảo phát huy tối đa tác dụng của công cụ kế toán đối với quản lý sản xuất.

Nhìn thấy được tầm quan trọng của công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, cùng với những kiến thức đã học cũng như quá trình tìm hiểu thực tế tại Xí Nghiệp Xây Dựng Giao Thông Số 1 thuộc Công ty Cổ phần Xây Dựng Giao Thông Thừa Thiên Huế với mong muốn tìm hiểu sâu hơn công tác kế toán chi phí sản xuất và giá thành của hoạt động xây lắp trong thực tế nên em quyết định chọn đề tài “ **Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm hoạt động xây lắp tại Xí Nghiệp Xây Dựng Giao Thông Số 1 thuộc Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Giao Thông Thừa Thiên Huế** ” làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

I.2. Mục tiêu nghiên cứu

Tìm hiểu để đi tìm chung của hoạt động xây lắp như những điểm công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp.

Tìm hiểu về chức năng kế toán chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp, tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Xí nghiệp Xây Dựng Giao Thông Số 1 – Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Giao Thông Thừa Thiên Huế.

Nghiên cứu thực trạng về chức năng kế toán hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Xí nghiệp Xây Dựng Giao Thông Số 1 – Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Giao Thông Thừa Thiên Huế.

Bổ sung kiến thức, trau dồi kinh nghiệm cho bên thân. Để tận dụng kiến thức có thể đưa ra các đề xuất, biện pháp nhằm hoàn thiện công tác thực hiện chức năng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Xí Nghiệp Xây Dựng Giao Thông Số 1 – Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Giao Thông Thừa Thiên Huế.

I.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

➤ Đối tượng nghiên cứu

Công tác kế toán tổng hợp chi phí và tính giá thành tại Xí nghiệp Xây Dựng Giao Thông số 1 thuộc Công ty Cổ Phần Xây Dựng Giao Thông Thừa Thiên Huế.

Đầu tư tập trung vào Công trình Hồ Tùng Khe Thuộc Khu dân cư liên kết Khu Đô Thị Mới Công ty xây dựng số 8 – Huyện Mỹ: Từ khi nhả dính bảm và thềm bê tông nhả của Xí Nghiệp Xây Dựng Giao Thông Số 1 được ký hợp đồng kinh tế vào ngày 30 tháng 03 năm 2017 và thanh toán hợp đồng vào ngày 30 tháng 08 năm 2017. Thời gian thi công bắt đầu từ ngày 06/05/2017 và kết thúc vào ngày 30/08/2017.

➤ Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi không gian

Công ty Cổ Phần Xây Dựng Giao Thông Thừa Thiên Huế.

Xí Nghiệp Xây Dựng Giao Thông Số 1 thuộc công ty Cổ Phần Xây Dựng Giao Thông Thừa Thiên Huế.

Phạm vi thời gian

Lấy số liệu tính chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm công trình Hồ Tùng Khe Thuộc Khu dân cư liên kết Khu Đô Thị Mới Công ty Xây Dựng Số 8 – Huyện Mỹ: Từ khi nhả dính bảm và thềm bê tông nhả. Từ ngày 06/05/2017 đến ngày 30/09/2017.

Bên cạnh đó, đầu tư còn số liệu kế toán 3 năm từ năm 2015 đến năm 2017.

I.4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập số liệu: Phương pháp này tiến hành thu thập các báo cáo, chứng từ, sổ sách về chi phí sản xuất và tính giá thành công trình cùng với các tài liệu liên quan khác để tiến hành xử lý.

Phương pháp so sánh: Phương pháp này căn cứ vào những số liệu và chỉ tiêu so sánh giữa số liệu thực tế phát sinh so với chi phí theo dự toán rồi từ đó đưa ra kết luận về tình hình sản xuất kinh doanh và hiệu quả quản lý chi phí của đơn vị.

Phương pháp quan sát, phỏng vấn trực tiếp: Nhằm hiểu rõ về công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại đơn vị bằng cách tiến hành phỏng vấn

nhân viên kế toán tài chính để tìm hiểu và tiếp cận hoạt động của đơn vị và phòng kế toán. Tìm hiểu và chế độ kế toán và phương pháp kế toán đang áp dụng và tiếp đó thu thập thêm những thông tin liên quan đến đề tài.

Phương pháp phân tích: Phương pháp này áp dụng việc tính toán, so sánh số liệu của các phương pháp nêu trên để phân tích những khác biệt giữa lý luận và thực tiễn, từ đó rút ra những kết luận thích hợp.

Phương pháp kế toán: Là đưa ra các nguyên tắc, quy định chung để kế toán đưa vào đó tiến hành thực hiện và là cơ sở cho việc đánh giá đối chiếu mọi phần hành kế toán trong công việc.

I.5. Kết cấu đề tài

Nội dung của đề tài nghiên cứu gồm có 3 phần:

Phần I: Đặt vấn đề

Phần II: Nội dung và kết quả nghiên cứu. Trong đó gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở khoa học và kế toán chi phí và tính giá thành sản xuất tại doanh nghiệp hoạt động xây lắp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản xuất tại Xí Nghiệp Xây Dựng Giao Thông Số 1 - Công ty Cổ phần Xây Dựng Giao Thông Thừa Thiên Huế

Chương 3: Một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản xuất tại Xí Nghiệp Xây Dựng Giao Thông Số 1 - Công ty Cổ phần Xây dựng Giao Thông Thừa Thiên Huế

Phần III: Kết luận và kiến nghị

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TOÁN CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ

1.1. Những vấn đề chung về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất

1.1.1.1. Một số khái niệm

“Chi phí là biểu hiện bằng tiền những hao phí lao động sống và hao phí lao động vật hóa phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh”. (TS. Huỳnh Lợi, 2009)

“Chi phí là những phí tổn và tiêu tốn sức lao động, tài sản của chủ thể trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh”. (TS. Phan Đức Dũng, 2009)

“Chi phí sản xuất là toàn bộ hao phí lao động sống và lao động vật hóa được biểu hiện dưới hình thức tiền tệ phát sinh trong hoạt động sản xuất của doanh nghiệp từ khi bắt đầu đầu tư đến khi kết thúc”. (TS. Huỳnh Lợi, 2009)

“Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa, và các chi phí bằng tiền khác mà doanh nghiệp đã chi ra để tiến hành sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện cung cấp lao vụ, dịch vụ trong một kỳ nhất định”. (TS. Phan Đức Dũng, 2009)

1.1.1.2. Phân loại

Quản lý chi phí sản xuất là ngoài việc quản lý số liệu phản ánh từng hợp chi phí mà phải dựa trên nhiều yếu tố phân loại chi phí để phân tích toàn bộ chi phí sản xuất của từng công trình, hạng mục công trình hay theo nội phát sinh chi phí. Theo nhiều phương diện, những tiêu chí khác nhau thì chi phí sản xuất cũng được phân loại theo các cách khác nhau để quản lý và hạch toán một cách chính xác và đầy đủ hơn, từ đó thông tin được cung cấp sẽ hữu ích hơn.

Một số cách phân loại chi phí phổ biến sau:

a) Theo nội dung kinh tế ban đầu

Đặc điểm cho việc tiếp hợp và quản lý chi phí theo nội dung kinh tế ban đầu thông nhất của nó mà không xét đến công dụng cụ thể, dựa để phát sinh, chi phí được phân bổ. Cách phân loại này giúp cho việc xây dựng và phân tích định mức và lưu ý cũng như việc lập, kiểm tra và phân tích kế toán chi phí, toàn bộ chi phí được chia thành các yếu tố:

- Chi phí nhân công: tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản trích theo tỷ lệ quy định về BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN trả cho công nhân viên chức.
- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: gồm toàn bộ giá trị nguyên vật liệu chính, vật liệu, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ, nhiên liệu, đường lái... sử dụng trong sản xuất kinh doanh.
- Chi phí công cụ, dụng cụ: gồm giá mua và chi phí mua của các công cụ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: Máy móc, TSCĐ được sử dụng trong quá trình sản xuất được tính hao mòn theo từng kỳ. Loại hao mòn này được chuyển vào chi phí để tính giá thành sản phẩm xây lắp.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: những chi phí sử dụng phục vụ gián tiếp cho quá trình sản xuất mà doanh nghiệp không thể cung ứng hoặc sản xuất, mà cần mua từ bên ngoài như: điện, nước,...
- Chi phí bằng tiền khác: bao gồm tất cả các chi phí sản xuất kinh doanh bằng tiền của doanh nghiệp.

Phân loại chi phí sản xuất của doanh nghiệp xây lắp theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí cho biết kết cấu, trình tự các loại (yếu tố) chi phí mà doanh nghiệp đã chi ra trong từng chi phí và cũng là căn cứ để lập Thuyết minh báo cáo tài chính (phần Chi phí SXKD theo yếu tố), cung cấp thông tin cho quản trị doanh nghiệp, phục vụ cho việc lập kế toán chi phí sản xuất và phân tích tình hình thực hiện kế toán chi phí...

b) Theo công dụng kinh tế

Căn cứ vào ý nghĩa của chi phí trong giá thành sản phẩm và để thuận tiện cho việc tính giá thành toàn bộ, chi phí được phân theo khoản mục. Cách phân loại này dựa theo công dụng chung của chi phí và mục phân bổ chi phí cho từng đối tượng.

Trong các doanh nghiệp xây lắp chi phí sản xuất được chia thành bốn khoản mục chi phí đối với trình độ hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình theo phương pháp thi công hiện hành và thi công và lắp ráp bằng máy:

➤ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Bao gồm giá trị của nguyên liệu, vật liệu chính, phụ hoặc các bộ phận tham gia cấu thành nên sản phẩm, giúp cho khối lượng xây lắp được đảm bảo thực hiện và hoàn thành đúng tiêu chuẩn và kỹ thuật. Khoản mục này không bao gồm vật liệu cho máy thi công và hoạt động sản xuất chung.

➤ Chi phí nhân công trực tiếp: Gồm toàn bộ tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp mang tính chất tiền lương trả cho công nhân trực tiếp tham gia vào quá trình xây lắp.

➤ Chi phí sử dụng máy thi công: Bao gồm toàn bộ các chi phí có liên quan đến máy thi công như chi phí vật liệu cho máy hoạt động, chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp lương, tiền công của công nhân trực tiếp điều khiển máy...

➤ Chi phí sản xuất chung: Phản ánh chi phí phát sinh cho quá trình sản xuất, nhưng không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm, không trực tiếp cấu thành nên sản phẩm như: lương nhân viên quản lý điều hành, công trình, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN trên tiền lương của công nhân trực tiếp xây lắp, công nhân điều khiển xe, máy thi công và nhân viên quản lý điều hành, khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của điều hành và những chi phí khác liên quan đến hoạt động tài chính công trình.

Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích, công dụng của chi phí là cơ sở để xác định số chi phí đã chi ra cho từng khâu, từng lĩnh vực, từng mục đích cụ thể, là căn cứ

đều tính giá thành sản phẩm theo khoản mục, xây dựng kế hoạch giá thành và phân tích tình hình thực hiện giá thành kế hoạch.

1.1.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm

1.1.2.1. Khái niệm

“Giá thành là một phạm trù của sản xuất hàng hóa, phản ánh tổng giá trị của những hao phí lao động sống và lao động vật hóa đã thực sự chi ra cho sản xuất. Những chi phí đưa vào giá thành sản phẩm phải phản ánh đúng các giá trị thực của tài liệu tiêu dùng cho sản xuất và các khoản chi tiêu khác có liên quan tới việc bù đắp đến gần hao phí lao động sống”. (TS. Phan Đình Dũng, 2009)

“Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của các chi phí cho một khối lượng sản phẩm nhất định đã hoàn thành”. (TS. Huỳnh Lê, 2009)

1.1.2.2. Phân loại

a) Căn cứ theo thời điểm tính giá thành

TS. Phan Đình Dũng cho rằng “Chi phí được chia thành giá thành dự toán, giá thành kế hoạch, giá thành định mức và giá thành thực tế”. (TS. Phan Đình Dũng, 2009)

➤ Giá thành dự toán

Là tổng chi phí trực tiếp và gián tiếp được dự toán để hoàn thành khối lượng xây lắp tính theo định giá tạm hợp cho từng khu vực thi công và theo định mức kinh tế kỹ thuật do nhà nước ban hành để xây dựng công trình xây dựng công bố. Nó là tiêu thức để phân định hợp thời gian định mức chi phí thực tế, để thống kê là căn cứ xây dựng giá nhận thầu.

Do đó căn cứ vào giá trị dự toán ta có thể xác định giá thành dự toán của từng công trình, hạng mục công trình như sau:

Giá thành dự toán của công trình, hạng mục công trình = Giá trị dự toán của từng công trình, hạng mục công trình - Lợi nhuận tính trước (định mức).

Trong đó: Lợi nhuận định mức là số phần trăm trên giá thành xây lắp do nhà nước quy định với từng loại xây lắp khác nhau, từng sản phẩm xây lắp cụ thể. Hay:

Giá thành dự toán = Khối lượng công tác xây lắp theo định mức kinh tế kỹ thuật do nhà nước quy định nhân với đơn giá xây lắp do nhà nước ban hành theo từng khu vực thi công và các chi phí khác theo định mức.

➤ Giá thành định mức

Là tổng số chi phí để hoàn thành một khối lượng xây lắp cụ thể được tính toán trên cơ sở định mức kỹ thuật của công trình, và phương pháp tổ chức thi công và quản lý thi công theo các định mức chi phí đã đặt để của tài doanh nghiệp, công trình thi công tại địa điểm bắt đầu thi công.

Khi định mức kỹ thuật công trình thay đổi, hay có sự thay đổi về phương pháp tổ chức, và quản lý thi công thì định mức sẽ thay đổi và khi đó, giá thành định mức được tính toán lại cho phù hợp.

➤ Giá thành kế hoạch

Căn cứ vào giá thành dự toán và căn cứ vào điều kiện công nghệ, năng lực thực tế sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế hoạch, DN tự xây dựng những định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá để xác định những hao phí cần thiết để thi công công trình trong một kỳ kế hoạch.

Như vậy, giá thành kế hoạch là một chỉ tiêu để các DN xây lắp tự phân bổ để thực hiện mục tiêu như nhu cầu giá thành trong kỳ kế hoạch.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & & & \text{Giá} & & \text{Lãi do} & & \text{Chênh} \\ \text{kế hoạch} & = & \text{thành dự} & - & \text{thành dự} & +/ - & \text{hệ giá} & & \text{lệch so} \\ & & \text{toán} & & \text{thành} & & \text{thành} & & \text{với dự} \end{array}$$

➤ Giá thành thực tế

Là toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh để thực hiện hoàn thành quá trình thi công do kỹ thuật tiếp nhận được. Giá thành thực tế biểu hiện chất lượng, hiệu quả và kết quả hoạt động của doanh nghiệp xây lắp.

b) Căn cứ theo phạm vi phát sinh chi phí

TS. Phan Đình Dũng cho rằng “Chi tiêu giá thành được chia thành giá thành sản xuất và giá thành tiêu thụ”.(TS. Phan Đình Dũng, 2009)

➤ Giá thành sản xuất

Là chi tiêu phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng sản xuất. Đối với các đơn vị xây lắp, giá thành sản phẩm bao gồm: chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung.

➤ Giá thành tiêu thụ (giá thành toàn bộ)

Là chi tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

$$\text{Giá thành toàn bộ} = \text{Giá thành sản xuất} + \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp} + \text{Chi phí bán hàng}$$

Nhà quản lý có thể dựa vào cách này để quản lý hàng hóa và lĩnh vực kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, doanh nghiệp chỉ nhất định khi lựa chọn tiêu thụ phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mặt hàng, từng loại dịch vụ nên cách này chỉ mang tính chất tham khảo.

1.1.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành là hai khái niệm khác nhau nhưng luôn đi kèm và có mối quan hệ mật thiết với nhau.

Để tính được giá thành sản phẩm thì việc xác định chính xác, hợp lý đối tượng kế toán tập hợp chi phí là điều kiện tiên quyết.

Đối tượng tính giá thành sản phẩm có thể bao gồm nhiều đối tượng tập hợp chi phí và ngược lại. Thực tế, mặt đối tượng tính giá thành chính là đối tượng tập hợp chi phí. Vì vậy, việc doanh nghiệp lựa chọn phương thức phân bổ chi phí cũng như phương pháp tính giá thành ảnh hưởng rất lớn đến giá thành của sản phẩm.